

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+BK8+TD1+RC5	7:25	8+9+5+0	0+0+0+0		6+0+0+1	0+0+0+0	CHUYẾN 2 TD2-TD1
2		P9+P5+JS2	7:25	9+0+13	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
3		TD2+P3+P4	9:25	16+6+0	0+0+0		12+3+5	0+0+0	
4		P2+P6+JS2	9:25	12+5+4	0+0+0		0+11+10	0+0+0	
5		P6	13:00	0	0		0	0	BAY HUẤN LUYỆN

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2019	TO: TD2 - BK8 - TD1 - RC5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG HIỂN	TD2	80	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO NGỌC QUANG	TD2				30	65	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN XUAN	TD2	82	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	76	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	DUƠNG HAI BANG	TD2	77	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	81	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	75	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	78-79	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TOÀN	BK8	56	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
11	VU THE CHUYEN	BK8	45	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG ANH THÂN	BK8	48-49	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐẠO	BK8	46	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN DUƠNG	BK8	47	1	12	20	60	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI NGỌC HOANG	BK8	54-55	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VĂN THANH	BK8	51	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ TÁ HOÀN	BK8	52-53	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
18	HÀ VĂN PHONG	BK8	50	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN TUẤN	TD1	30	1	4		65	SHINTRAC	Vietnamese
20	ĐOÀN TRỌNG BANG	TD1	29	1	10		70	SHINTRAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CÔNG	TD1	31	1	12	25	72	SHINTRAC	Vietnamese
22	NGO VĂN THANH	TD1	32	1	10		55	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	9	8	47	637	30	7+2		CHUYEN 02 PAX TU TD2 SANG TD1
2	BK8	9	12	115	597	20	0		
3	TD1	4	4	36	262	25	0		
4	RC5	0	0	0	0	30	1		
TOTAL		22	24	198	1.496	105	8		
WEIGHT KG				198	1.496	105			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2019	TO: P9 - P5 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hoi - Linh - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO NGOC TAM	P9	77	1	9	20	88	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI NGOC THAO	P9	95-96	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
3	HA MANH CUONG	P9	74	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
4	LE QUY ĐON	P9	78-79	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG HUY	P9	75-76	2	15		48	XAYLAP	Vietnamese
6	LE XUAN HUNG	P9	94	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
7	HA MANH HUNG	P9	100	1	10		54	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH VAN THIEN	P9	98-99	2	12		57	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HUNG	P9	97	1	10		91	XAYLAP	Vietnamese
10	MICHAEL PATRICK	JS2	04	1	15	11	85	KHOAN	Indian
11	NGUYEN VAN CANH	JS2	07	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DUC CUONG	JS2	09-10	2	12		69	KHOAN	Vietnamese
13	BUI NGOC TU	JS2	11	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN VAN KHOA	JS2	05	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN SANG	JS2	14	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	DUONG QUOC VINH	JS2	13	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG MINH TIEN	JS2	17-18	2	10	10	55	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNH KIM LONG	JS2	12	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC LAM	JS2	06	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
20	LE VAN HIEN	JS2	20	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN DAI DUONG	JS2	08	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	BUI TRAN NAM	JS2	15-16	2	18		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	9	13	104	597	20	0		
2	P5	0	0	0	0	0	5		
3	JS2	13	16	105	858	21	17		
TOTAL		22	29	209	1.455	41	22		
WEIGHT KG				209	1.455	41			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/07/2019	TO: TD2 - P3 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

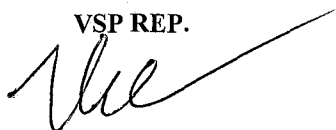
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUNG CUONG	TD2	93	1	3		100	KHOAN	Vietnamese
2	MAI XUAN TUNG-PVD	TD2	85	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM MINH TRONG-PVDT	TD2	86	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	ZHUCK	TD2	99,900	2	16		110	KH-THAC	Russian
5	VU NGOC TU	TD2	01	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TUAN HAI	TD2	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC KHOI	TD2	02	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TRUNG	TD2	03	1	10	30	70	KH-THAC	Vietnamese
9	VU DUC SANG	TD2	97	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NIKITIN	TD2	94	1	7		82	ANTOAN	Russian
11	LUONG NGOC HOANG	TD2	89	1	7		75	DVL	Vietnamese
12	PHAN MINH DUNG	TD2	87-88	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
13	VU ANH MINH	TD2	95-96	2	15		74	T-TIN	Vietnamese
14	ĐINH XUAN TOAN	TD2	90-91	2	17		65	T-TIN	Vietnamese
15	TRAN BAO CHUONG	TD2	92	1	8		75	T-TIN	Vietnamese
16	KRAVTSOV ALEXANDER	P3	83	1	10		75	DVL	Russian
17	QUACH XUAN THUONG	P3	85-86	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ ĐINH NINH	P3	87	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM HONG PHUC	P3	88-89	2	17	13	60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC TUAN	P3	81-82	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN PHUC SANG	P3	80	1	8		52	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

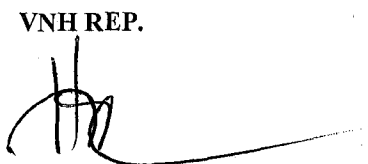
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	19	146	1.149	30	11		
2	P3	6	9	77	398	13	3		
3	P4	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	28	223	1.547	43	19		
WEIGHT KG				223	1.547	43			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

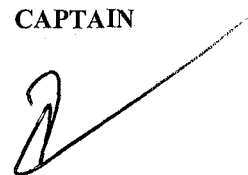
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/07/2019	TO: P2 - P6 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRỌNG	P2	81-82	2	15	18	77	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHĨ	P2	83	1	12	60	66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG PHONG	P2	84	1	11		61	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHÍ CÔNG	P2	80	1	9		54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	P2	78	1	7		65	LILAMA	Vietnamese
6	LAI VĂN THUAN	P2	72-73	2	10		62	LILAMA	Vietnamese
7	LÊ VĂN DŨNG	P2	71	1	5		65	LILAMA	Vietnamese
8	HOANG CONG TAI	P2	76	1	4		65	LILAMA	Vietnamese
9	TU DANH TUAN	P2	79	1	6		53	LILAMA	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KIẾN	P2	75	1	5		60	LILAMA	Vietnamese
11	NGUYỄN HUU THANH	P2	74	1	10		68	LILAMA	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TUYẾN	P2	77	1	7		70	LILAMA	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	P6	07-08	2	15	40	86	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ MINH SỸ	P6	03-04	2	12		70	CODIEN	Vietnamese
15	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	P6	05-06	2	12		71	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN KHA	P6	01-02	2	20		70	XAY LAP	Vietnamese
17	BUI TRỌNG TOÀN	JS2	03	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNH VAN TRUNG	JS2	04	1	10		91	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LY	JS2	02	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG ANH TU	JS2	05	1	11		74	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	14	101	766	78	1		
2	P6	4	8	59	297	40	11		
3	JS2	4	4	35	322	0	10		
TOTAL		20	26	195	1.385	118	22		
WEIGHT KG				195	1.385	118			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TTC2	7:25	19+0	0+0		18+4	0+0	
2		BK16+P11	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
3		P4+P2+RP3	9:25	5+0+1	0+0+0		0+4+16	0+0+0	
4		P8+TD3	9:25	2+15	0+0		3+19	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
XNXL ĐI VSP06 ĐỘI CÀ QUÀ BK16

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/07/2019	TO: TD5 - TTC2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	73-74	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN BẠCH TÙNG	TD5	69	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆN*TT	TD5	72	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
4	TU DƯƠNG DUNG	TD5	67	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD5	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HẢI	TD5	70	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN THUY	TD5	76	1	5	40	76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	75	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	68	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HẢI-PVDT	TD5	66	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	LÂM XUÂN TU	TD5	65	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC DUNG	TD5	78	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	77	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HỮU HẬU	TD5	79	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC CƯỜNG	TD5	84-85	2	16		73	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀI NAM	TD5	86-88	3	17		70	CODIEN	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HÙNG	TD5					74	ANTOAN	Vietnamese
18	NGO THANH SƠN	TD5	81	1	10		73	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD5	80	1	5		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	22	126	1.365	40	18		
2	TTC2	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		19	22	126	1.365	65	22		
WEIGHT KG				126	1.365	65			

GRAND TOAL: 1.556 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2019	TO: BK16 - P11	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HỒI - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VIET HUNG	BK16	35	1	10		77	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN BA SON	BK16	43-44	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC PHAT	BK16	33-34	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN HOAN	BK16	54-55	2	22		75	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÀO QUANG THANH	BK16	41-42	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VAN THOAI	BK16	52-53	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐINH QUANG DUNG	BK16	56	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	VÔ HOANG LAM	BK16	04-05	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN VIỆT	BK16	59	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN GIÁP	BK16	39-40	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN LỢI	BK16	38	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG DINH VINH	BK16	36-37	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ CÔNG THỜI	BK16	01	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
14	LUONG THE MINH	BK16	06-07	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG THANH SƠN	BK16	58	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HAI	BK16	08	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK16	20,32	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG VAN MẠNH	BK16	45-46	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
19	VU VAN LINH	BK16	47-48	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK16	49-50	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN PHI BANG	BK16	51	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN BA ĐIỆN	BK16	02-03	2	27		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	22	36	342	1.454	0	19		
2	P11	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	36	342	1.454	0	22		
WEIGHT KG				342	1.454	0			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2019	TO: P8 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HỒI - TRƯỞNG - MQUÂN	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN LẠC	P8	42	1	18		90	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ XUÂN HIẾN	P8	41	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
3	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					85	KHOAN	Russian
4	QUÁCH VĂN THẢO	TD3	50-52	3	10		75	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH AN	TD3	63	1	10		60	CỤC Đ. KIỂM	Vietnamese
6	LÊ VĂN TUẤN *TT	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	64	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐĂNG BAO	TD3	59	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	48	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	TD3	53	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG AN	TD3	54	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG MINH	TD3	60	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NHAN	TD3	56	1	4	110	63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	57-58	2	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN-PVDT	TD3	61-62	2	13		54	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD3	49	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	55	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	2	2	26	150	0	3		TD3 GAN RC5
2	TD3	15	17	95	1.003	110	19		
TOTAL		17	19	121	1.153	110	22		
WEIGHT KG				121	1.153	110			

GRAND TOAL: 1.384 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/07/2019	TO: P4 - P2 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HUY	ETA: 11:20
Xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN QUYẾN	P4	87	1	8		74	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN BACH DUONG	P4	88-89	2	7	25	78	KHI	Vietnamese
3	SUKRU AKDEMIR	P4	83	1	15		95	KHI	Turkish
4	ENGİN DEĞİRMENCI	P4	84	1	10		87	KHI	Turkish
5	ALI TUTKUN	P4	85-86	2	12		70	KHI	Turkish
6	NGUYỄN MẠNH HOANG	RP3	80	1	11	107	57	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

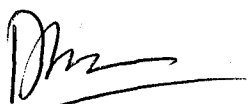
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	7	52	404	25	0		
2	P2	0	0	0	0	20	4		
3	RP3	1	1	11	57	107	18		
TOTAL		6	8	63	461	152	22		
WEIGHT KG				63	461	152			

GRAND TOAL: 676 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

